Kính gửi: **PHÒNG THƯƠNG MẠI & CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH) (“VCCI”)**

171 Võ Thị Sáu,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| THAM CHIẾU BÊN GỬI | THAM CHIẾU BÊN NHẬN | NGÀY | TRANG |
| RTLCT/VCCI/21022023 | - | 21/02/20223 | 1/6 |

**Góp ý dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi)**

Kính gửi VCCI,

Thực hiện thư mời 60/CN HCM-PC ngày 16 tháng 02 năm 2023 của VCCI về việc góp ý dự thảo Luật Giao dịch điện từ (sửa đổi).

Sau khi nghiên cứu, Công Ty Luật TNHH Rajah & Tann LCT Lawyers có một số ý kiến góp ý cụ thể theo phụ lục đính kèm.

Trân trọng.

**LS. Nguyễn Tuấn Phát**

**Rajah & Tann LCT Lawyers**

|  |
| --- |
|  |

**PHỤ LỤC**

| **STT** | **Điều khoản** | **Nội dung Dự thảo** | **Nội dung góp ý/đề xuất điều chỉnh** | **Lý do** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Khoản 10 Điều 3 | Người trung gian là cơ quan, tổ chức, cá nhân đại diện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc gửi, nhận hoặc lưu trữ một thông điệp dữ liệu hoặc cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến thông điệp dữ liệu đó. | Đề nghị bổ sung các nội dung, quy định liên quan đến các quyền và nghĩa vụ của “Người trung gian” để làm rõ vai trò của “Người trung gian” đối với giao dịch điện tử. | Dự thảo Luật này đề cập về định nghĩa của “Người trung gian”, nhưng chưa có quy định cụ thể về các quyền và nghĩa vụ của “Người trung gian”. |
|  | Điều 28 | Nhà nước công nhận giá trị pháp lý của chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài:  1. Chữ ký điện tử hoặc chứng thư chữ ký điện tử đó có độ đảm bảo an toàn tương đương với độ đảm bảo an toàn của chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật hoặc căn cứ vào các tiêu chuẩn quốc tế đã được thừa nhận, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các yếu tố có liên quan khác.  2. Chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài được hình thành dựa trên thông tin định danh đầy đủ đã được xác thực của tổ chức, cá nhân hiện diện tại nước ngoài.  3. Tổ chức phát hành chứng thư điện tử thành lập và hoạt động hợp pháp tại quốc gia mà tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký điện tử nước ngoài đăng ký hoạt động; được kiểm định đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chữ ký điện tử tương đương tại Việt Nam.  4. Kết nối với hệ thống kỹ thuật của Tổ chức chứng thực điện tử quốc gia để đảm bảo cho việc kiểm tra hiệu lực chữ ký điện tử.  5. Đối tượng sử dụng chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài là tổ chức, cá nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam.  6. Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể về các nội dung thủ tục cho việc công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký điện tử nước ngoài. | Đề nghị xây dựng và bổ sung các nội dung, quy định liên quan đến việc xác định “*độ đảm bảo an toàn tương đương với độ đảm bảo an toàn của chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật hoặc căn cứ vào các tiêu chuẩn quốc tế đã được thừa nhận, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các yếu tố có liên quan khác*.” | Việc công nhận giá trị pháp lý của chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài có ý nghĩa quan trọng đối với các giao dịch với các đối tượng sử dụng chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài là tổ chức, cá nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam. |
|  | Điều 30 | Dịch vụ cấp dấu thời gian là dịch vụ để gắn thông tin về thời gian vào thông điệp dữ liệu dưới dạng dấu thời gian. | Đề nghị bổ sung các nội dung, quy định liên quan đến điều kiện, cơ chế thực hiện Dịch vụ cấp dấu thời gian. | Dự thảo Luật này không có quy định về điều kiện và cơ chế thực hiện Dịch vụ cấp dấu thời gian, điều này gây khó khăn cho các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ này. |
|  | Điều 31 | Dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu bao gồm:   1. Dịch vụ lưu trữ và xác nhận tính nguyên vẹn của thông điệp dữ liệu. 2. Dịch vụ gửi, nhận thông điệp dữ liệu bảo đảm. | Đề nghị bổ sung các nội dung, quy định liên quan đến điều kiện, cơ chế thực hiện Dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu. | Dự thảo Luật này không có quy định về điều kiện và cơ chế thực hiện Dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu, điều này gây khó khăn cho các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ này. |
|  | Điều 32 | Dịch vụ chữ ký số công cộng bao gồm:  a) Hoạt động phát hành chứng thư chữ ký số;  b) Hoạt động chứng thực chữ ký số. | Đề nghị bổ sung các nội dung, quy định liên quan đến điều kiện, cơ chế thực hiện Dịch vụ chữ ký số công cộng. | Dự thảo Luật này không có quy định về điều kiện và cơ chế thực hiện Dịch vụ chữ ký số công cộng, điều này gây khó khăn cho các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ này. |
|  | Khoản 3 Điều 34 | Thực hiện chế độ lưu trữ hồ sơ, tài liệu và kết nối, cung cấp thông tin, số liệu báo cáo hoạt động với hệ thống giám sát của cơ quan nhà nước theo quy định. | Đề nghị bổ sung các nội dung, quy định liên quan đến quy định pháp luật nào cần được áp dụng. | Việc không có các quy định cụ thể có thể gây khó khăn cho việc thực hiện. |
|  | Khoản 7 Điều 34 | Định kỳ hằng năm báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông về tình hình kinh doanh dịch vụ tin cậy trước ngày 30 tháng 01. | Đề nghị bổ sung các nội dung, quy định liên quan đến công tác báo cáo như là mẫu báo cáo, hình thức báo cáo, nội dung báo cáo. | Dự thảo Luật này chưa quy định cụ thể về công tác báo cáo định kỳ hằng năm.  Điều này gây khó khăn cho cá nhân, tổ chức trong việc báo cáo định kỳ hợp lệ cho Bộ Thông tin và Truyền thông. |
|  | Khoản 1 Điều 48 | Tài khoản định danh điện tử do cơ quan có thẩm quyền quản lý về định danh và xác thực điện tử cấp và được quản lý hoạt động, sử dụng theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử. | Đề nghị bổ sung định nghĩa về “Tài khoản định danh điện tử”. | Dự thảo Luật này có đề cập đến “Tài khoản định danh điện tử”, nhưng chưa có định nghĩa về “Tài khoản định danh điện tử”. |
|  | Khoản 1 Điều 49 | Tài khoản giao dịch điện tử do chủ quản hệ thống hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử cấp và được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật này. | Đề nghị bổ sung định nghĩa về “Tài khoản giao dịch điện tử”. | Dự thảo Luật này có đề cập đến “Tài khoản giao dịch điện tử”, nhưng chưa có định nghĩa về “Tài khoản giao dịch điện tử”. |
|  | Khoản 1, 2 Điều 50 | 1. Trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử:.. 2. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng số phục vụ giao dịch điện tử có số lượng người sử dụng tại Việt Nam hoạt động hàng tháng từ 01 triệu trở lên hoặc có số lượng truy cập hàng tháng từ người sử dụng tại Việt Nam từ 10 triệu trở lên liên tục trong 06 tháng:… | Đề nghị bổ sung định nghĩa về “Chủ quản hệ thống thông tin” và “Chủ quản nền tảng số” để tránh gây nhầm lẫn. | Dự thảo Luật này có đề cập đến “Chủ quản hệ thống thông tin” và “Chủ quản nền tảng số”, nhưng chưa có định nghĩa để phần biệt. |
|  | Khoản 2(d) Điều 50 | Định kỳ hàng năm chủ động thực hiện rà soát, đánh giá tình hình, đề xuất giải pháp và báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông về các vụ việc đã xảy ra hoặc dấu hiệu, nguy cơ lợi dụng hệ thống thông tin do doanh nghiệp mình cung cấp để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam. | Đề nghị bổ sung các nội dung, quy định liên quan đến công tác báo cáo định kỳ hằng năm như là mẫu báo cáo, hình thức báo cáo, nội dung báo cáo, thời gian báo cáo. | Dự thảo Luật này chưa quy định cụ thể về công tác báo cáo định kỳ hằng năm.  Điều này gây khó khăn cho cá nhân, tổ chức trong việc báo cáo định kỳ hợp lệ cho Bộ Thông tin và Truyền thông. |
|  | Khoản 3(b) và Khoản 3(đ) Điều 50 | (b) Công bố công khai các nguyên tắc chung và các thông số hoặc tiêu chí được sử dụng để đưa ra khuyến nghị hiển thị nội dung, hiển thị quảng cáo cho người dùng và cho phép người dùng lựa chọn phương án không sử dụng khuyến nghị, hiển thị nội dung, hiển thị quảng cáo dựa trên phân tích dữ liệu về người dùng;  đ) Công bố công khai và phổ biến bộ quy tắc ứng xử áp dụng đối với các bên liên quan tham gia sử dụng hệ thống. | Đề nghị bổ sung các nội dung, quy định liên quan đến công tác công bố công khai như là mẫu công bố công khai, hình thức công bố công khai, nội dung công bố công khai, thời gian công bố công khai. | Dự thảo Luật này chưa quy định cụ thể về công tác báo cáo định kỳ hằng năm.  Điều này gây khó khăn cho cá nhân, tổ chức trong việc công bố công khai hợp lệ. |
|  | Khoản 3(d) Điều 50 | Bố trí và thông báo nhân viên chuyên trách độc lập giám sát việc tuân thủ trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin quy định tại Luật này với Bộ Thông tin và Truyền thông; | Đề nghị bổ sung các nội dung, quy định liên quan đến định nghĩa, điều kiện trở thành nhân viên chuyên trách độc lập. | Dự thảo Luật này có đề cập đến “Nhân viên chuyên trách độc lập giám sát”, nhưng chưa định nghĩa, điều kiện trở thành nhân viên chuyên trách độc lập. |